

CƠ CẤU NGOẠI NGỮ TRONG NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM

PGS.TS. Bùi Hiền

Một vấn đề cực kì quan trọng trong chính sách giáo dục ngoại ngữ là xác định đúng số lượng ngoại ngữ chủ yếu cần dạy phổ cập và vị trí cùng tỉ lệ tương quan giữa chúng trong nền giáo dục của Việt Nam (Không kể các ngoại ngữ phục vụ cho các mục đích chuyên biệt trong một số lĩnh vực và một số miền cụ thể).

Ngay sau Cách mạng tháng Tám, tại buổi lễ khai giảng trường ĐHQG Việt Nam ngày 15-11-1945, với sự có mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, giáo sư Nguyễn Văn Huyền, Giám đốc Đại học vụ, đã tuyên bố: “Thêm nữa, vì nhận xét rằng trong thế giới đại đồng ngày nay, không một nước nào dầu lớn hay nhỏ, là có thể sống tách biệt được, nên trường đại học sẽ chú trọng đặc biệt ngay trong niên khoá 1945-1946 tới những sinh ngữ có quan trọng cho văn hoá, như tiếng Trung Hoa, tiếng Anh-Mĩ, tiếng Nga.” (Nhân dân, 31-12-2001). Khi miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào khôi phục và phát triển kinh tế theo con đường XHCN, Chính phủ đã cho mở ngay trường Ngoại ngữ để đào tạo phiên dịch và giáo viên tiếng Nga và tiếng Trung Quốc. Tiếp sau đó đến năm 1958 lại cho mở thêm các khoa tiếng Anh và tiếng Pháp tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Từ đó các ngoại ngữ Nga, Trung, Anh, Pháp

dần dần được đưa vào dạy học phổ biến ở bậc trung học và đại học trên toàn miền Bắc.

Căn cứ vào vai trò, vị trí, nhu cầu của các ngoại ngữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, Nhà nước đã khẳng định chủ trương phải dạy phổ biến 4 ngôn ngữ quốc tế thông dụng nhất trong 7 ngôn ngữ chính thức của Liên hiệp quốc là: Anh, Nga, Trung, Pháp. Trên nền tảng đó, Thủ tướng Chính phủ căn cứ vào sự thay đổi trong quan hệ quốc tế của Việt Nam tại từng thời kì mà xác định lại vị trí và thứ tự ưu tiên giữa 4 ngoại ngữ chủ yếu ấy: Trong Chỉ thị 43TTg-1968 xác định là Nga – Trung – Anh – Pháp, Quyết định 251TTg-1972 là Anh – Nga – Trung – Pháp, và Chỉ thị 422TTg-1994 coi tiếng Anh là ngoại ngữ chủ yếu. Suốt mấy chục năm qua Đảng và Nhà nước ta chưa bao giờ có chủ trương bỏ đi một ngoại ngữ nào cả. (Việc xoá bỏ tiếng Trung Quốc là do Bộ Giáo dục tự quyết định mà không xin phép Thủ tướng và bị Tổng bí thư Đỗ Mười phê phán là một sai lầm nghiêm trọng, đồng thời nhắc nhở Bộ trưởng Phạm Minh Hạc không được để tái diễn đối với tiếng Nga). Giờ đây trong bối cảnh toàn cầu hoá và trong xu thế hội nhập với thế giới, việc dùng tiếng Anh rất phổ biến, nên có nhiều người muốn thay đổi hẳn chiến lược

ngoại ngữ của Nhà nước và đề xuất chủ trương: ***Tiếng Anh là ngoại ngữ được dạy bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. Các ngoại ngữ khác như Pháp, Trung Quốc, Nga, Nhật và Đức được dạy như ngoại ngữ bắt buộc thứ hai hoặc lựa chọn.*** Có ý kiến muốn Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định rõ ràng, cụ thể hơn: Việc học ngoại ngữ thứ hai được thực hiện từ lớp 6 cho đến lớp 12 với thời lượng 2 tiết/tuần. Với tổng số tiết là 490 tiết, khi tốt nghiệp THPT ngoại ngữ thứ 2 của học sinh có thể đạt được bậc 1,5 giống như yêu cầu đánh giá của TOEFL. Nhưng thực tế sẽ không thể dạy học ngoại ngữ hai được, vì không có quỹ thời gian cho môn này, không có thầy cô, sách giáo khoa nên chỉ còn tiếng Anh bắt buộc mà thôi. Để biện minh cho chủ trương trên họ lập luận rằng, trong xu thế của thời đại và trong bối cảnh mới, mở cửa hướng ra thế giới, làm bạn với các nước trên thế giới, trước đòi hỏi của phát triển kinh tế và trước nhu cầu mở rộng giao lưu vượt ra khỏi phạm vi quốc gia của đông đảo nhân dân, nên chúng ta đã có những bất cập trong việc dạy học ngoại ngữ, khẳng định rằng để hoà nhập vào sự phát triển chung của xã hội, tìm cho mình một chỗ đứng thực sự trong thế giới đang toàn cầu hoá một cách mạnh mẽ, chúng ta không thể không xem xét một cách nghiêm túc thực trạng dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trong những năm qua. Từ đó họ nghiên cứu kỹ lưỡng, hoạch định một chiến lược dạy học ngoại ngữ vừa khả thi, vừa đáp ứng những yêu cầu phát triển tương lai của nước ta. Chủ

trương chiến lược mới đó về dạy học ngoại ngữ tại trường phổ thông có thể nói gọn lại bằng một câu là đủ: Chi cần dạy học một ngoại ngữ bắt buộc là tiếng Anh !

Có thể thấy tư tưởng chủ đạo duy nhất trong các đề xuất trên là phải cố gắng làm sao để Việt Nam hội nhập kinh tế thật nhanh và có hiệu quả nhất vì đây vừa là thời cơ vừa là thách thức, mà ngoại ngữ (thực chất hiện nay ở Việt Nam chỉ còn là tiếng Anh) được coi là điều kiện tiên quyết, là một công cụ, phương tiện đắc lực và hữu hiệu trong tiến trình hội nhập và phát triển trong thời đại ngày nay. Trước hết phải đính chính lại một điều rằng, ngoại ngữ tuy có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của nhiều quốc gia, nhưng nó không phải là và cũng *chưa bao giờ là điều kiện tiên quyết của sự phát triển* đối với bất cứ một quốc gia nào. Cho dù tiếng Anh đang có vai trò to lớn trong thương mại quốc tế và toàn cầu hoá kinh tế hiện nay thực, nhưng nó không phải và cũng sẽ không thể là chiếc gậy thần giúp cho sự phát triển kinh tế của một nước. Chẳng hạn như ở châu Phi có khá nhiều nước không những chỉ dạy một tiếng Anh không thôi, mà còn lấy tiếng Anh làm ngôn ngữ quốc gia duy nhất nữa, nhưng có phải nhờ có tiếng Anh ấy mà họ trở thành những nước phát triển trên thế giới đâu. Còn ở Việt Nam hiện nay tình hình càng không phải như vậy và trong tương lai hội nhập càng không thể trông cậy vào một tiếng Anh, mà chỉ coi nó là chủ yếu trong 4 ngoại ngữ quốc tế như Chi

thị 422TTg năm 1994 của Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã xác định.

Ta thử nhìn trên hai mặt thuộc lĩnh vực kinh tế là đầu tư và thương mại không thời đã thấy tỉ trọng buôn bán của Việt Nam với khối các nước nói tiếng Anh-Mĩ (kể cả các nước Đông Nam Á) và với các quốc gia chủ yếu khác không hề nghiêng về khối Anh-Mĩ. Cụ thể: Trong kim ngạch buôn bán của EU với Việt Nam, nước Anh chỉ chiếm 12,7%, còn lại 87,3% là của Pháp, Đức, Italia và các nước khác; Trong 7 tỉ USD của EU đầu tư vào Việt Nam thì Anh cũng chỉ chiếm có 1,8 tỉ (Nghiên cứu Châu Âu, số 3, 2004, tr.74-76). Nếu gộp Mĩ, Canada và Ôxtrâyliya lại thì tỉ trọng buôn bán của khối này cũng chỉ tương đương với Trung Quốc, Đài Loan và Hồng Kông. Ngoài ra, khối ASEAN sánh sao kịp Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan trong quan hệ đầu tư và thương mại với Việt Nam. Đó là chưa kể ngay tại những nước Đông Nam Á, các doanh nhân gốc Trung Quốc cũng chiếm tỉ lệ rất lớn, cao hơn tỉ lệ dân số nói chung tại đó, vì phần lớn người Hoa đều tập trung ở các thành phố lớn và thâm tóm nhiều cơ sở kinh tế then chốt tại mỗi nước (ở Singapore người Hoa chiếm tới 76,4%, ở Malaixia – 26%, ở Thái Lan 14%). Cũng phải kể đến quan hệ kinh tế và thương mại giữa Nga với Việt Nam đang trên đà khôi phục và phát triển mạnh mẽ. Sự hợp tác, đầu tư của Liên bang Nga vào các ngành công nghiệp chủ chốt của Việt Nam như dầu khí,

điện lực, cơ khí, luyện kim, khai thác tài nguyên v.v... là không nhỏ so với nhiều nước, kể cả với Anh, Mĩ. (Tại thời điểm này trường Đại học Giao thông đang tập trung hàng trăm cán bộ và sinh viên cấp tốc học tiếng Nga (vì tiếng Nga ở phổ thông không còn dạy nữa) để sang Nga học cách xây dựng đường tàu điện ngầm, chứ không sang Anh-Mĩ). Nếu xét thêm cả lĩnh vực du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam, lượng du khách tiếng Anh vào Việt Nam không thể chiếm nổi 1/3 tổng số hàng năm. Rõ ràng chỉ đứng trên phương diện hội nhập kinh tế không thôi, chúng ta đã cần phải dùng đến nhiều ngôn ngữ quốc tế khác nữa thì mới giữ được thế cân bằng và ổn định lâu dài trong nền kinh tế toàn cầu hoá, mới tránh lệ thuộc vào siêu cường kinh tế tiếng Anh. Với đà tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hiện nay, nhu cầu du lịch nước ngoài của người Trung Quốc cũng sẽ tăng rất cao, nhưng số người giàu có đủ tiền sang châu Âu, châu Mĩ chắc chắn chưa phải nhiều, mà tuyệt đại đa số sẽ hướng tới các nước lân cận như Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Việt Nam..., trong đó Việt Nam lại có thể mạnh hơn các nước trên là rẻ hơn, gần hơn và tiện đường sắt, đường bộ, nên chắc chắn trong 10-15 năm tới con số 33% khách Trung Quốc vào Việt Nam hiện nay có thể sẽ lên tới 50%, thậm chí gấp đôi. Vậy nếu ta bỏ tiếng Trung Quốc thì tiếng Anh làm sao có thể thay thế được. Do đó thời cơ vàng ấy cũng có thể trở thành khó

khăn, phức tạp đối với ngành du lịch Việt Nam. Còn nữa, xuất khẩu lao động cũng đem lại nguồn ngoại tệ lớn. Những ngoại ngữ cần thiết phải chuẩn bị cho những người lao động xuất khẩu đâu phải là tiếng Anh, mà là tiếng Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Malaixia. Gần đây Hàn Quốc quy định tiêu chuẩn thu nhận người lao động nước ngoài bắt buộc phải biết nói tiếng Hàn. Hơn nữa thị trường lao động Hàn Quốc, Nhật Bản và Đài Loan hằng năm có thể sẽ thu hút hàng trăm ngàn lao động Việt Nam, gấp bao nhiêu lần số người đi Anh-Mĩ-Úc. Như vậy đủ thấy, chỉ riêng trong hội nhập kinh tế quốc tế tiếng Anh đã không thể chiếm vị trí độc tôn đối với Việt Nam. Trong tương lai, khi hình thành khối thị trường chung ASEAN-Trung Quốc và thị trường tự do Đông Á (Nhật Bản-Hàn Quốc-Trung Quốc-ASEAN) thì *ngoại ngữ chủ yếu cần cho Việt Nam ở khu vực gần 2 tỉ dân này sẽ là tiếng Trung Quốc, Nhật Bản*, rồi sau đó mới đến tiếng Anh và các thứ tiếng khác.

Thế nhưng quan hệ quốc tế đâu phải chỉ bó gọn trong lĩnh vực kinh tế, mà còn phải đa dạng hoá về các mặt chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, quân sự... Trên các lĩnh vực này, trừ công nghệ thông tin và tin học chủ yếu vẫn còn dùng tiếng Anh-Mĩ, thì tiếng Trung Quốc, tiếng Nga và tiếng Pháp ở Việt Nam cũng có vai trò không kém tiếng Anh, thậm chí còn vượt xa trong một số lĩnh vực quan trọng. Việt Nam với

Trung Quốc có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau trên tất cả các lĩnh vực rất lâu đời, nên ngôn ngữ và văn hoá Trung Quốc từ xưa đã trở thành, những yếu tố cực kì quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân Việt Nam. Bỏ tiếng Trung Quốc tức là tự ta tước bỏ một phần quan trọng các giá trị văn hoá, tinh thần vốn có của chúng ta. Chỉ vì lâu nay không dạy học tiếng Trung Quốc, vứt bỏ Hán Nôm trong trường học, nên nhiều cán bộ lãnh đạo chính trị, văn hoá lên phát biểu trên đài phát thanh, truyền hình vẫn còn phạm những lỗi sơ đẳng trong ngôn từ (Ví dụ: Đồng chí cần khắc phục những *yếu điểm* của mình, những điểm *tối ưu nhất* v.v...), nói gì đến chuyện hiểu đúng, viết đúng các văn bản phức tạp, trong đó có không dưới 50% những từ ngữ Hán Nôm cùng với những thành ngữ, điển tích có nguồn gốc từ tiếng Trung Quốc. Đối với tiếng Pháp cũng vậy, chúng ta không thể kể hết được những gì mà ngôn ngữ và văn hoá Pháp đã làm cho phong phú kho tàng văn hoá, ngôn ngữ Việt Nam thời cận đại và giờ đây nhờ có tiếng Pháp mà chúng ta bước vào Liên minh Châu Âu và cộng đồng hơn 40 nước nói tiếng Pháp được thuận lợi hơn. Còn tiếng Nga thực sự có nhiều điểm nổi trội trong nhiều lĩnh vực đời sống của Việt Nam: nền khoa học cơ bản hiện nay, nền văn hoá XHCN Việt Nam đều được xây dựng trên cơ sở học tập và phát huy các tinh hoa của nền văn hoá, khoa học Xô viết, mà ngày nay nước Nga đang thừa kế

và phát triển có hiệu quả, nên nó rất gần gũi với đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Một lĩnh vực nhạy cảm nhất đối với sự nghiệp bảo vệ nền độc lập của Việt Nam không thể tách rời khỏi tiếng Nga là khoa học và trang thiết bị quân sự. Có thể nói, chúng ta không thể có một đối tác quân sự nào khác đáng tin cậy hơn và cần thiết hơn là Liên bang Nga. Vì thế tiếng Nga đối với Việt Nam không chỉ cần thiết vì gắn liền với kinh tế, mà còn vì nó gắn liền với nền độc lập, tự chủ của Việt Nam. Vậy sao ta có thể lạnh lùng gạt bỏ tiếng Nga ra ngoài chương trình giáo dục của các cấp học, bậc học được? Được biết hiện nay tất cả các trường cao đẳng và đại học thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đều coi tiếng Nga là ngoại ngữ bắt buộc đầu tiên cũng vì lẽ đó. Nếu tiếng Nga mất đi sứ mệnh ấy, đương nhiên tiếng Anh sẽ thay thế trọn vẹn. Điều này có phù hợp với lợi ích sống còn của CNXH ở Việt Nam không? Những người làm công tác quản lý giáo dục chắc hẳn chưa quên một điều tâm huyết mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc nhở; muốn làm cách mạng thì phải học tiếng của Lenin. Hiện nay Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn khẳng định trong cương lĩnh của mình là lấy chủ nghĩa Mác-Lenin làm kim chỉ nam, việc từ bỏ tiếng Nga trong trường phổ thông có hàm chứa ý nghĩa gì?

Nhiều người lại cho rằng, thực tế bây giờ cha mẹ và học sinh chỉ chọn tiếng Anh để

học, nên có muốn mở các lớp ngoại ngữ khác cũng không có học sinh, mà bắt buộc là mất dân chủ. Song đó là thực tiễn của thị trường tự do đang thâm nhập vào nền giáo dục XHCN Việt Nam.

Tóm lại, theo định hướng phát triển kinh tế-xã hội Việt Nam trong thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, ngành giáo dục của chúng ta phải kiên trì thực hiện chủ trương đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá, Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước, thông qua việc chấp hành nghiêm chỉnh định hướng chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ thị điều chỉnh từ năm 1994 về cơ cấu ngoại ngữ cần giảng dạy và học tập trong tất cả các loại nhà trường và cho tất cả các loại đối tượng nói chung trên bình diện vĩ mô là: dạy học cả 4 ngoại ngữ Nga, Trung, Anh, Pháp, trong đó tiếng Anh là chủ yếu. Còn ở cấp độ vi mô thì tùy nhu cầu và khả năng của từng địa phương, từng ngành cụ thể tự cân nhắc và lựa chọn cho mình một ngoại ngữ chủ yếu, chứ không nhất thiết đồng loạt đầu đầu cũng là tiếng Anh. Chủ yếu không có nghĩa là gần 100% như tiếng Anh hiện nay, mà là tới khoảng 60-70%! Nếu đòi chỉ dạy một ngoại ngữ duy nhất là tiếng Anh, thì chắc chắn chủ trương ấy không phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của cả dân tộc Việt Nam, và rất có thể nó sẽ biến Việt Nam thành một nước phụ thuộc vào chủ nghĩa thực dân kiểu mới tra hình. Điều này nhân dân ta không mong muốn và quyết không để nó xảy ra.